

CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: T14/NUTRICARE/2020

**SẢN PHẨM DINH DƯỠNG
COLOSCARE ADULT**

Năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T14/NUTRICARE/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368

Mã số doanh nghiệp : 0104937284

Số giấy chứng nhận cấp cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày cấp/ Nơi cấp:

(Không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung : Sản phẩm dinh dưỡng Coloscare Adult
2. Thành phần: Chất đạm (Đạm đậu nành, Đạm Sữa, Đạm whey), Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Sữa non, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Hỗn hợp khoáng và vitamin (Natri, Kali, Canxi, Phot pho, Magie, Sắt, I ốt, Kẽm, Đồng, Mangan, Selen, Crôm, Molybden, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Niacin, Axit Pantothenic, Vitamin B6, Axit Folic, Vitamin B12, Biotin), Beta-Glucan 1,3/1,6, Lợi khuẩn (*Bifidobacterium BB12 & Lactobacillus acidophilus La5*), Hương vani tổng hợp.
3. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Ngày sản xuất, Lô sản xuất, Hạn sử dụng: được in trên bao bì sản phẩm.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. KLT: 20g, 40g, 47.5g, 200g, 400g, 500g, 800g, 900g, 1kg, 1.8kg. (Đóng gói phù hợp theo thông tư số 21/2014/TT-BKHCN: Thông tư quy định về đo lường đối với lượng hàng hóa đóng gói sẵn).
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế).
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:



Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: Công ty Cổ phần Dinh Dưỡng Nutricare.
Trụ sở: Số 5, Ngõ 9/76, phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, Liền kề 2, KĐT Vạn Phúc, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Sản xuất tại: Nhà máy CN Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh.
Điện Thoại: 0246.6833.368

Sản xuất tại : Công ty cổ phần dinh dưỡng Y học Quốc tế
Địa chỉ : Cụm CN Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn phụ sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

3742/2001/QĐ-BYT: QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ Về việc ban hành Quy định danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm.

Thông tư 43/2014/TT-BYT Về quản lý thực phẩm chức năng.

Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Thông tư 24/2013/TT-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)




TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g bột Per 100g	Trong 1 ly (210 ml) Per serving (210ml)
Năng lượng/Energy	kcal	447	212
Đạm/Protein	g	18.3	8.7
Leucine	mg	1030	489
Iso Leucine	mg	591	281
Valine	mg	643	305
Arginine	mg	700	333
Methionine	mg	134	63.7
Chất béo/Fat	g	15.9	7.55
MUFA	mg	1360	646
PUFA	mg	370	176
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate	g	60.0	28.5
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	3.70	1.76
Beta-Glucan 1,3/1,6	mg	92.1	43.7
Sữa non/Colostrum	mg	7500	3563
IgG	mg	1212	576
Lactoferrin	mg	27.3	12.9
Lợi khuẩn/probiotics	CFU	6.37x10 ⁸	3.02x10 ⁸
Vitamins			
Vitamin A	IU	1825	867
Vitamin D3	IU	475	226
Vitamin E	IU	16.6	7.89
Vitamin K1	mcg	271	12.9
Vitamin C	mg	101	48
Vitamin B1	mcg	1011	480
Vitamin B2	mcg	678	322
Niacin	mcg	12063	5730
Axit Pantothenic/Pantothenic acid	mcg	4316	2050
Vitamin B6	mcg	1477	702
Axit Folic/Folic acid	mcg	103.4	49.1
Vitamin B12	mcg	6.2	2.95
Biotin	mcg	26.5	12.6
Khoáng/Minerals			
Natri/Sodium	mg	246	117
Kali/Potassium	mg	214	102
Canxi/Calcium	mg	537	255
Photpho/Phosphorus	mg	410	195
Magie/Magnesium	mg	72	34.2
Sắt/Iron	mg	3.42	1.63
Kẽm/Zinc	mg	14.2	6.7
Mangan/Manganese	mcg	1048	498
Đồng/Copper	mcg	301	143
I ốt/Iodine	mcg	53.8	25.6
Selen/Selenium	mcg	18.3	8.69
Crom/Chromium	mcg	19.5	9.26
Molybden/Molybdenum	mcg	19.2	9.12

THÀNH PHẦN/ INGREDIENTS

Chất đạm (Đạm đậu nành, Đạm Sữa, Đạm whey), Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Sữa non, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Hỗn hợp khoáng và vitamin (Natri, Kali, Canxi, Phot pho, Magie, Sắt, I ốt, Kẽm, Đồng, Mangan, Selen, Crôm, Molybden, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Niacin, Axit Pantothenic, Vitamin B6, Axit Folic, Vitamin B12, Biotin), Beta-Glucan 1,3/1,6, Lợi khuẩn (*Bifidobacterium BB12* & *Lactobacillus acidophilus LaS*), Hương vani tổng hợp.

Protein (Soy protein, Milk protein, Whey protein), Vegetable fat, Maltodextrin, Sucrose, Colostrum, Fiber Soluble (Polydextrose), Premix vitamins & minerals (Sodium, Potassium, Calcium, Phosphorus, Magnesium, Iron, Iodine, Zinc, Copper, Manganese, Selenium, Chromium, Molybdenum, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K1, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Niacin, Pantothenic acid, Vitamin B6, Folic acid, Vitamin B12, Biotin), Beta-Glucan 1,3/1,6, Probiotics (*Bifidobacterium BB12* & *Lactobacillus acidophilus LaS*), Vanilla flavor.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/ HOW TO PREPARE



Cho từ từ 47,5 g **ColosCare Adult** (5 muỗng gạt) vào 180 ml nước đun sôi để ấm khoảng (45-50°C).



Khuấy đều được 210 ml dung dịch **ColosCare Adult**. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

To prepare one serving 210 ml: Gradually mix 5 level spoons (approximately 47,5 g) of **ColosCare Adult** to 180 ml of warm water (45-50°C). Finish using **ColosCare Adult** reconstituted feeding 1 hour after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/ RECOMMENDED USE

- Uống 2-3 ly **ColosCare Adult**/ngày. Thích hợp với người lớn và trẻ em trên 10 tuổi, người cần tăng cường miễn dịch và sức đề kháng; Người có nhu cầu bổ sung năng lượng; Người cao tuổi tiêu hóa kém, khó nhai nuốt; Người trong thời kỳ dưỡng bệnh, trước và sau phẫu thuật cần phục hồi sức khỏe.
- Use 2-3 servings **ColosCare Adult** per day. Suitable for adults and children from 10 years of age; People need to enhance immunity and resistance; People needs additional energy; The elderly with poor digestion, difficulty swallowing; People during convalescence; People pre- and post- operation who need health rehabilitation.



IgG
TỪ
USA

ColosCare Adult

DINH DƯỠNG TĂNG SỨC ĐỀ KHÁNG NGƯỜI LỚN TUỔI

Beta-Glucan
IgG 1200⁺
Lactoferrin
Probiotics



Thực phẩm bổ sung
Sản phẩm dinh dưỡng



Khối lượng tịnh | Nguyên liệu chính nhập khẩu từ
400 g | USA, Châu Âu

ColosCare Adult - DINH DƯỠNG TĂNG SỨC ĐỀ KHÁNG NGƯỜI LỚN TUỔI.

Càng lớn tuổi, sức đề kháng càng suy giảm, nguy cơ gặp phải các tình trạng rối loạn chức năng và nhiễm bệnh tăng cao. Dinh dưỡng đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ tăng sức đề kháng, giúp cải thiện sức khỏe về thể chất cũng như tinh thần ở người lớn tuổi.

ColosCare Adult - Sản phẩm dinh dưỡng đột phá với hàm lượng cao kháng thể tự nhiên **IgG 1200+** từ sữa non, cùng nguồn dinh dưỡng được thiết kế phù hợp với người lớn tuổi cần tăng sức đề kháng, tăng cường sức khỏe cơ - xương - khớp, tim mạch đồng thời để tiêu hóa và hấp thu.

TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG - BẢO VỆ SỨC KHỎE

SỮA NON - Hàm lượng kháng thể tự nhiên **IgG 1200+** cao vượt trội giúp tăng cường sức đề kháng cơ thể.

Beta-Glucan - Giúp hệ thống miễn dịch hoạt động hiệu quả hơn, cải thiện sức khỏe đường hô hấp.

Lactoferrin & Lợi khuẩn: Giúp giảm tình trạng nhiễm khuẩn bằng cách hạn chế sự xâm nhập của vi khuẩn và vi-rút gây bệnh.

DINH DƯỠNG CẦN ĐỐI - ĐỂ HẤP THU

Cao năng lượng, giàu **Protein, Canxi, Vitamin D3** giúp tăng cường chức năng cơ - xương - khớp.

MUFA, PUFA tốt cho tim mạch.

Không chứa đường Lactose* cùng 100% chất xơ hòa tan (**Polydextrose**) giúp dễ tiêu hóa, giảm táo bón.

* Theo quy định của Codex

BẢO QUẢN/ STORAGE

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lọ khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.
Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Sản xuất & chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Sản xuất tại: Nhà máy CN **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh.
Điện thoại: 024.66.833.368
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm
ISO 22000:2018,
Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP,
Hệ thống Quản lý môi trường **ISO 14001:2015**.

Số CBSP: T14/NUTRICARE/2020
NSX và HSD: Xem trên bao bì.



CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BẮC: 1800.6011 (miễn phí cuộc gọi đến)
MIỄN NAM: 028.73.009.888
www.nutricare.com.vn



THÔNG TIN DINH DƯỠNG NUTRITIONAL INFORMATION				THÀNH PHẦN/ INGREDIENTS			
Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g bột Per 100g	Trong 1 ly (210 ml) Per serving				
Năng lượng/Energy	kcal	447	212				
Đạm/Protein	g	18.3	8.7				
Leucine	mg	1030	489				
Iso Leucine	mg	591	281				
Valine	mg	643	305				
Arginine	mg	700	333				
Methionine	mg	134	63.7				
Chất béo/Fat	g	15.9	7.55				
MUFA	mg	1360	646				
PUFA	mg	370	176				
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate	g	60.0	28.5				
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	3.70	1.76				
Beta-Glucan 1,3/1,6	mg	92.1	43.7				
Sữa non/Colostrum	mg	7500	3563				
IgG	mg	1212	576				
Lactoferrin	mg	27.3	12.9				
Lợi khuẩn/probiotics	CFU	6.37x10 ⁸	3.02x10 ⁸				
Vitamins							
Vitamin A	IU	1825	867				
Vitamin D3	IU	475	226				
Vitamin E	IU	16.6	7.89				
Vitamin K1	mcg	27.1	12.9				
Vitamin C	mg	101	48				
Vitamin B1	mcg	1011	480				
Vitamin B2	mcg	678	322				
Niacin	mcg	12063	5730				
Axit Pantothenic/Pantothenic acid	mcg	4316	2050				
Vitamin B6	mcg	1477	702				
Axit Folic/Folic acid	mcg	103.4	49.1				
Vitamin B12	mcg	6.2	2.95				
Biotin	mcg	26.5	12.6				
Khoáng/Minerals							
Natri/Sodium	mg	246	117				
Kali/Potassium	mg	214	102				
Canxi/Calcium	mg	537	255				
Photpho/Phosphorus	mg	410	195				
Magie/Magnesium	mg	72	34.2				
Sắt/Iron	mg	3.42	1.63				
Kẽm/Zinc	mg	14.2	6.7				
Mangan/Manganese	mcg	1048	498				
Đồng/Copper	mcg	301	143				
I ốt/Iodine	mcg	53.8	25.6				
Selen/Selenium	mcg	18.3	8.69				
Crom/Chromium	mcg	19.5	9.26				
Molypden/Molybdenum	mcg	19.2	9.12				

Cho từ từ 47,5 g **ColosCare Adult** (5 muỗng gạt) vào 180 ml nước đun sôi để ấm khoảng (45-50°C).

Khuấy đều được 210 ml dung dịch **ColosCare Adult**.
Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

*To prepare one serving 210 ml: Gradually mix 5 level spoons (approximately 47,5 g) of **ColosCare Adult** to 180 ml of warm water (45-50°C). Finish using **ColosCare Adult** reconstituted feeding 1 hour after preparation.*

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/ RECOMMENDED USE

- Uống 2-3 ly **ColosCare Adult**/ngày. Thích hợp với người lớn và trẻ em trên 10 tuổi, người cần tăng cường miễn dịch và sức đề kháng; Người có nhu cầu bổ sung năng lượng; Người cao tuổi tiêu hóa kém, khó nhai nuốt; Người trong thời kỳ dưỡng bệnh, trước và sau phẫu thuật cần phục hồi sức khỏe.
- Use 2-3 servings **ColosCare Adult** per day. Suitable for adults and children from 10 years of age; People need to enhance immunity and resistance; People needs additional energy; The elderly with poor digestion, difficulty swallowing; People during convalescence; People pre- and post- operation who need health rehabilitation.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

IgG TỪ USA

ColosCare

DINH DƯỠNG TĂNG SỨC ĐỀ KHÁNG NGƯỜI LỚN TUỔI

Adult

Beta-Glucan

IgG 1200⁺

Lactoferrin

Probiotics

Hương **Vani**

Thực phẩm bổ sung
Sản phẩm dinh dưỡng

Khối lượng tịnh | Nguyên liệu chính nhập khẩu từ
800 g | USA, Châu Âu

ColosCare Adult - DINH DƯỠNG TĂNG SỨC ĐỀ KHÁNG NGƯỜI LỚN TUỔI.

Càng lớn tuổi, sức đề kháng càng suy giảm, nguy cơ gặp phải các tình trạng rối loạn chức năng và nhiễm bệnh tăng cao. Dinh dưỡng đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ tăng sức đề kháng, giúp cải thiện sức khỏe về thể chất cũng như tinh thần ở người lớn tuổi.

ColosCare Adult - Sản phẩm dinh dưỡng đột phá với hàm lượng cao kháng thể tự nhiên **IgG 1200+** từ sữa non, cùng nguồn dinh dưỡng được thiết kế phù hợp với người lớn tuổi cần tăng sức đề kháng, tăng cường sức khỏe cơ - xương - khớp, tim mạch đồng thời dễ tiêu hóa và hấp thu.

TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG - BẢO VỆ SỨC KHỎE

- SỮA NON** - Hàm lượng kháng thể tự nhiên **IgG 1200+** cao vượt trội giúp tăng cường sức đề kháng cơ thể.
- Beta-Glucan** - Giúp hệ thống miễn dịch hoạt động hiệu quả hơn, cải thiện sức khỏe đường hô hấp.
- Lactoferrin & Lợi khuẩn:** Giúp giảm tình trạng nhiễm khuẩn bằng cách hạn chế sự xâm nhập của vi khuẩn và vi-rút gây bệnh.

DINH DƯỠNG CÂN ĐỐI - DỄ HẤP THU

- Cao năng lượng, giàu **Protein, Canxi, Vitamin D3** giúp tăng cường chức năng cơ - xương - khớp.
- MUFA, PUFA** tốt cho tim mạch.
- Không chứa đường Lactose*** cùng 100% chất xơ hòa tan (**Polydextrose**) giúp dễ tiêu hóa, giảm táo bón.

* Theo quy định của Codex

BẢO QUẢN/ STORAGE

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Løn khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.
Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Sản xuất & chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VP&D: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Sân xuất tại: Nhà máy CN **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh.
Điện thoại: 024.66.833.368
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,
Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP,
Hệ thống Quản lý môi trường **ISO 14001:2015**.

SỐ CBSP: T14/NUTRICARE/2020
NSX và HSD: Xem trên bao bì.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BẮC: 1800.6011 (Miễn phí cuộc gọi đến)
MIỄN NAM: 028.73.009.888
www.nutricare.com.vn